

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH Y**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 22/6/2020.

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH Y

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Phúc.

2. Ông Nguyễn Đình Quang.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoài Lê – Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Y.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Y:* Bà Đàm Thị Bé – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020 (Số cũ: 150/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2020; Thông báo 35/TB-VP ngày 31/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện X về việc Phòng, chống dịch Covid và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04/6/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Thanh H, sinh ngày 31/10/1986. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 3, xã Diên Bình, huyện K, tỉnh Y.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1981. Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn X, huyện X, tỉnh Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/12/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn, chị Đoàn Thị Thanh H trình bày:

- Chị Đoàn Thị Thanh H và anh Nguyễn Văn N tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân thị trấn X, huyện X, tỉnh Y cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 08 tháng 12 năm 2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do cách sống không hòa hợp dẫn đến tranh chấp, cãi vã, cuộc sống có nhiều khó khăn không tìm ra điểm chung, gặp nhiều bế tắc không sống chung

được nên đã sống ly thân nhau từ năm 2017 đến nay. Do đó, nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

- Con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Đoàn N P, sinh ngày 11/6/2009.

Sau khi ly hôn chị H có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã đi xác minh về nơi cư trú của anh Nguyễn Văn N, nhưng qua xác minh được biết anh N có hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố 5, thị trấn X, huyện X, tỉnh Y nhưng hiện nay anh N không có mặt tại địa phương. Khi đi không thông báo cho chính quyền địa phương. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật và căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X phát biểu quan điểm, hướng giải quyết vụ án và ý kiến về việc Thẩm phán, hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Đoàn Thị Thanh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 25/12/2019 Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Y đã thụ lý vụ án xin ly hôn của nguyên đơn là chị Đoàn Thị Thanh H. Xét thấy chị Đoàn Thị Thanh H có nơi cư trú tại huyện K, tỉnh Y nhưng anh Nguyễn Văn N là bị đơn có nơi cư trú tại huyện X, tỉnh Y. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị H là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Y theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Chị Đoàn Thị Thanh H và anh Nguyễn Văn N đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 12 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân thị trấn X, huyện X, tỉnh Y. Chị H và anh N đã đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, không vi phạm điều kiện kết hôn, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Đoàn Thị Thanh H và anh Nguyễn Văn N là hôn nhân hợp pháp.

[3] Sau khi kết hôn, theo lời khai của chị H: Chị và anh Nguyễn Văn N chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Quá trình chung sống không còn tình cảm vợ chồng và anh N đã đi khỏi nhà từ năm 2018 đến nay.

[4] Xét thấy: Quá trình chung sống giữa chị H và anh N luôn bất đồng quan điểm, anh chị không còn chung sống với nhau từ cuối năm 2017 đến nay. Anh N bỏ nH đi, từ khi anh N bỏ đi không còn liên lạc với chị H, không còn chung sống với nhau đến nay mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai nữa. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không Hn gắn được. Tòa án cũng đã làm việc và xác minh với gia đình anh N, bố ruột anh N cho biết chị H và anh N khi ở chung với nhau xảy ra mâu thuẫn, hay xảy ra cãi vã nhau vấn đề vợ chồng. Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh N đến Tòa án để hòa giải cho vợ chồng trở về đoàn

tự nhưng anh N đã bỏ đi và không liên lạc được, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đoàn Thị Thanh H là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Trong thời gian sống chung với nhau chị H và anh N có 01 con chung là Nguyễn Đoàn N P, sinh ngày 11/6/2009.

Hiện tại, chị H có nguyện vọng nuôi con, tại bản tự khai cháu có nguyện vọng ở với mẹ, và anh N hiện không có mặt tại nơi cư trú không thể nuôi dưỡng, chăm sóc cháu. Do đó, yêu cầu của chị H là có căn cứ để chấp nhận. Giao 01 con chung cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành và tự lập. Chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Anh N có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[6] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Đoàn Thị Thanh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” của chị Đoàn Thị Thanh H đề ngày 24/12/2019.

Xử: Chị Đoàn Thị Thanh H được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

- Về con chung: Giao 01 con chung Nguyễn Đoàn N P, sinh ngày 11/6/2009 cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung đủ 18 tuổi. Chị Đoàn Thị Thanh H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn N có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Căn cứ Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Đoàn Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba*

trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2016/0000688 ngày 24/12/2019 của Chi cục thi Hình án dân sự huyện X, tỉnh Y. Chị H đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/6/2020) nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đ;
- TAND tỉnh S;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS H. X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**